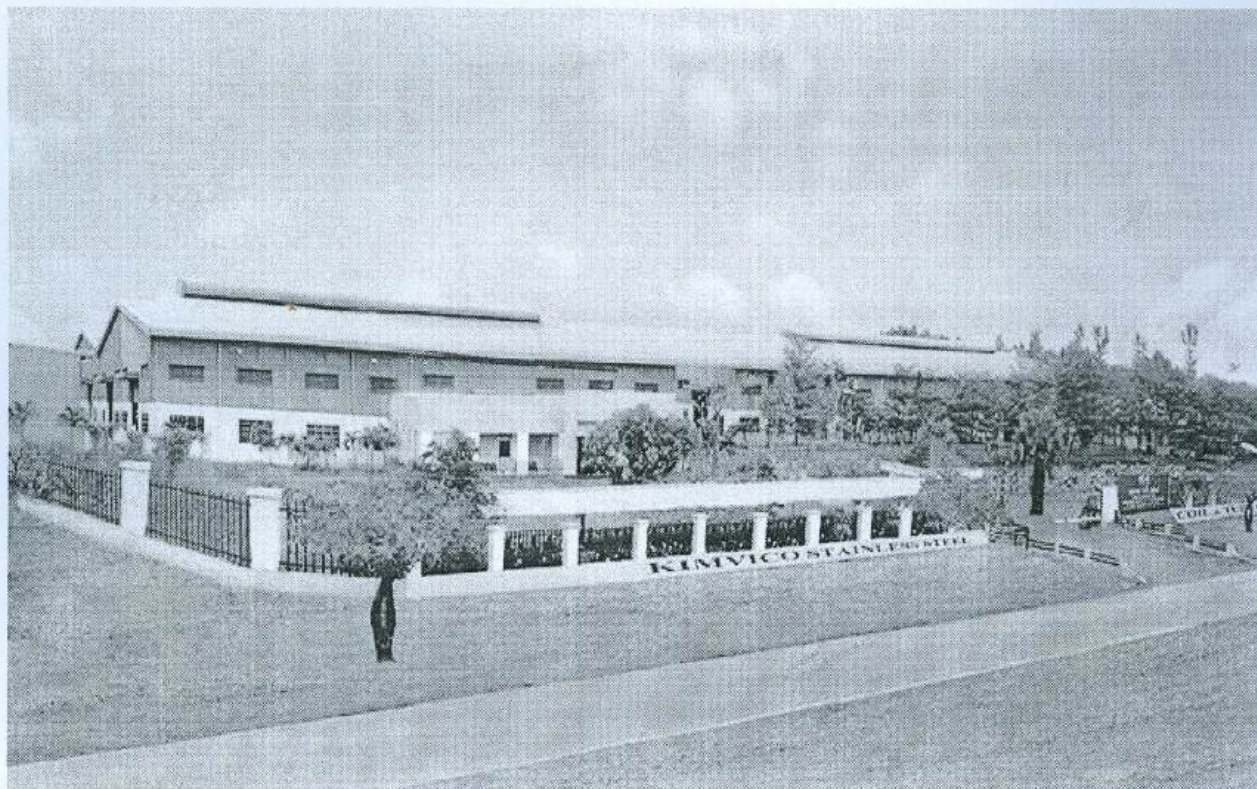


BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP
KHẨU INOX KIM VĨ



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT.....	3
2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	4
3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	4
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	6
5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	12
1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	12
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	12
3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....	15
4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	15
5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.....	16
6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....	17
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	19
1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.....	19
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	20
3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ.....	22
4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI.....	22
5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:.....	22
6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
23	
1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.....	23
2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY.....	23
3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
2. BAN KIỂM SOÁT.....	27
3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT.....	30
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	31
1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN.....	31
2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....	31

I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302124121 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 05 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 12 (thay cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103010382) ngày 20 tháng 03 năm 2023.
- Vốn điều lệ: 495.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 495.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm tỷ đồng*)
- Địa chỉ: 117 Đường Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (84-028) 3797 9009
- Số fax: (84-028) 3797 9100
- Website: www.kimvico.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): KVC

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ với tiền thân là Cơ sở sản xuất thép Kim Vĩ được thành lập từ năm 1989. Giai đoạn từ 2000 – 2008, Công ty hoạt động với mô hình Công ty TNHH Kim Vĩ và từ tháng 5 năm 2008 tới nay, Công ty hoạt động với mô hình Công ty cổ phần.

- Năm 1989: Thành lập Cơ sở Kim Vĩ
- Năm 2000: Thành lập Công ty TNHH Kim Vĩ. Công ty TNHH Kim Vĩ hoạt động với mức vốn điều lệ ban đầu là 5 tỷ đồng.
- Năm 2008: Công ty TNHH Kim Vĩ tiếp tục chuyển đổi thành Công ty Cổ Phần Sản Xuất - Xuất Nhập Khẩu Inox Kim Vĩ với vốn điều lệ khi mới chuyển đổi là 16 tỷ đồng.
- Năm 2015: công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng (13/02/2015).
- Ngày 14 tháng 04 năm 2015: công ty khai trương niêm yết cổ phiếu CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ với mã chứng khoán KVC tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Chính thức niêm yết 16.500.000 cổ phần trên HNX.
- Ngày 15/6/2016 Công ty đã được Trung tâm Lưu Ký Chứng Khoáng Việt Nam – Chi nhánh TP HCM chấp thuận thay đổi số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ 16.500.000 cổ phiếu lên 33.000.000 cổ phiếu
- Ngày 18 tháng 07 năm 2016, Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần 10 và nâng Vốn điều lệ lên thành 495 tỷ đồng.
- Ngày 20 tháng 03 năm 2023, Công ty đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần 12 để chuẩn y việc thay đổi thông tin số căn cước công dân của ông Đỗ Hùng, người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Ngày 18/5/2023, Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sàn giao dịch Upcom sau khi cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết.

Hiện tại, Kim Vĩ vẫn đang trên bước đường phát triển, vẫn còn những điều cần phải hoàn thiện thêm. Tuy nhiên, Kim Vĩ tự hào về những đóng góp của mình vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước thông qua sự đầu tư liên tục của mình trong ngành thép không gỉ cũng như các ngành nghề khác. Trong nhiều năm qua, Công ty đã nỗ lực xây dựng thương hiệu Kim Vĩ thành đơn vị lớn mạnh và có uy tín với khách hàng.

KIM VĨ (KIM trong từ “Kim loại”, VĨ trong từ “Vĩ đại”) luôn nỗ lực không ngừng để vượt qua những thử thách khắc nghiệt của thị trường, phấn đấu trở thành công ty kim loại vĩ đại như mong muốn của người sáng lập.

Các sự kiện khác: Không có

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

- Ngành nghề kinh doanh:

Là doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất thép không gỉ, hoạt động chính của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ là:

- o Cán luyện cuộn Inox (Thép không gỉ - cuộn cán nóng No1);
 - o Sản xuất ống Inox (Thép không gỉ);
 - o Gia công các phần hành, công đoạn liên quan đến cuộn, ống thép không gỉ;
- Xuất nhập khẩu tất cả các sản phẩm vật tư, phụ tùng liên quan đến ngành thép không gỉ.

- Địa bàn kinh doanh:

Với bề dày hơn 30 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và phân phối thép không gỉ, Kim Vĩ đã xây dựng được mạng lưới khách hàng trên toàn quốc trong đó nhà sản xuất chiếm tỷ trọng 70% trong cơ cấu doanh thu và các khách lẻ, đại lý chiếm 30%. Điều này giúp doanh thu của Công ty luôn duy trì ổn định và không ngừng tăng trưởng qua các năm.

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

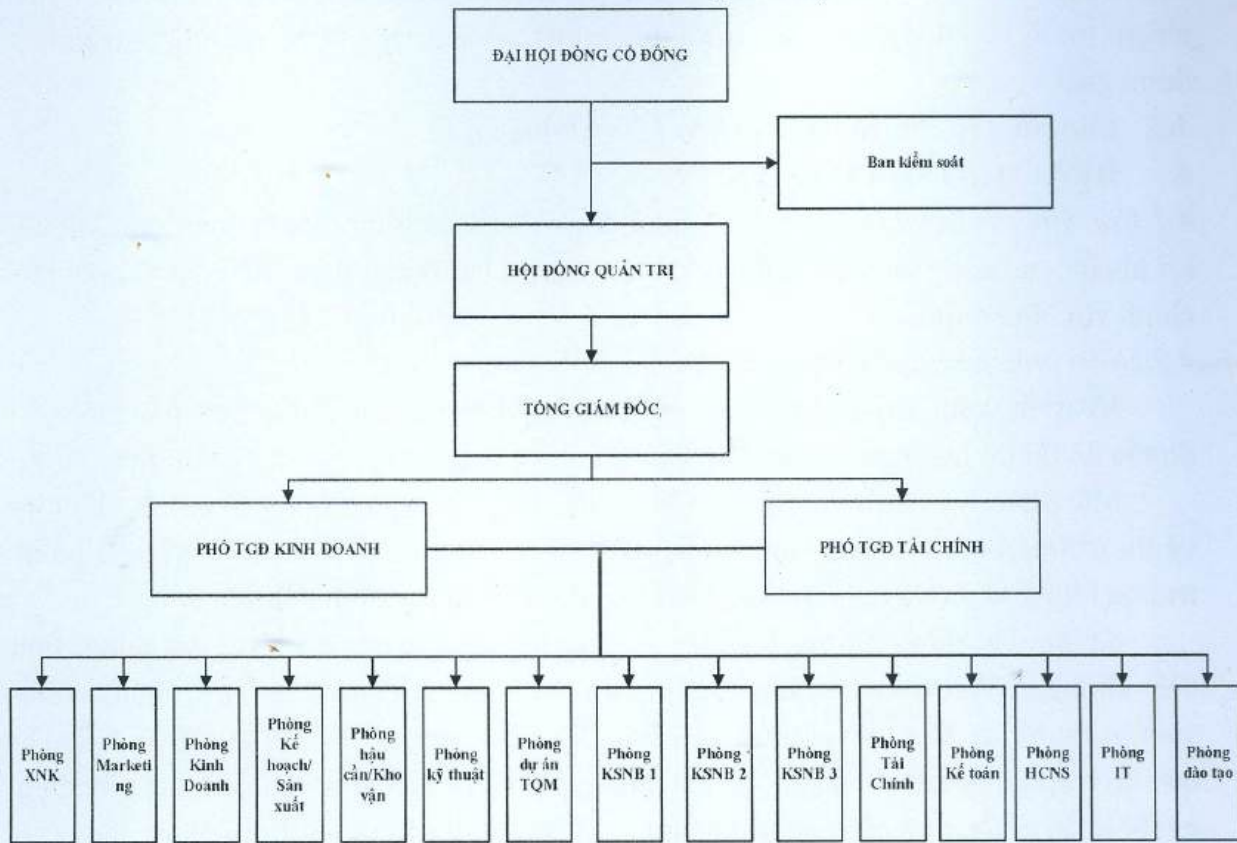
3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đến thời điểm 31/12/2024, cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ bao gồm (i) 01 trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và (ii) 02 chi nhánh. Chi tiết như sau:

- o Công ty đặt trụ sở chính tại: Số 117, Võ Văn Bích, Ấp 11, Xã Tân Thạnh Đông, Huyện Củ Chi, Tp Hồ Chí Minh
- o Công ty có hai (02) chi nhánh
 - Chi nhánh Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ: Ấp 11, Võ Văn Bích, Xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Chi nhánh Lý Thường Kiệt – Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Địa chỉ: 22/48 Lý Thường Kiệt, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Mô hình quản trị



(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:

▪ Đại hội đồng cổ đông:

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ.

▪ Hội đồng quản trị:

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

▪ Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm ba (03) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

▪ Ban Tổng Giám đốc:

Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực. Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc điều

hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4.1 Các mục tiêu chủ yếu: Tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối đa lợi nhuận; tạo công ăn việc làm đầy đủ cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

4.2 chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Về triển vọng trung và dài hạn, ngành thép không gỉ còn nhiều tiềm năng tăng trưởng do tốc độ đô thị hóa ngày càng tăng dẫn tới nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm thép tăng.

Mặt khác, so với lĩnh vực thép sản xuất, lĩnh vực thép không gỉ có rất nhiều lợi thế về thị trường do được ứng dụng trong các ngành hàng thiết yếu và nhiều tiềm năng tăng trưởng như y tế, công nghiệp thực phẩm và đặc biệt là ngành hàng tiêu dùng.

Không chỉ được hưởng lợi nhờ sự tăng trưởng của ngành hàng gia dụng, lĩnh vực thép không gỉ Việt Nam còn được hưởng lợi từ chính sách của Nhà nước nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Sau Quyết định số 7896/QĐ-BCT ngày 5/9/2014 của Bộ Công Thương quy định áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm thép không gỉ cán nguội nhập khẩu, nhu cầu các sản phẩm thép không gỉ cán nguội trong nước tăng cao.

Căn cứ vào các thống kê, nghiên cứu, đặc điểm của các ngành thép không gỉ trên thế giới và Việt Nam, cũng như các dấu hiệu phục hồi tích cực của nền kinh tế trong nước, hơn nữa lợi thế ngành trong đầu tư của Công ty, Kim Vĩ đã đặt ra định hướng phát triển theo hướng chú trọng về chiều sâu, tập trung vào các mảng sản phẩm đem lại giá trị gia tăng cao, đặc biệt là các sản phẩm thép cán nguội phục vụ cho lĩnh vực sản xuất hàng gia dụng thiết yếu, phù hợp với lợi thế ngành và lợi thế Công ty.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững:

Công ty hiểu rằng sự thành công của doanh nghiệp hiện nay không chỉ là đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, lợi ích cổ đông mà phải thể hiện trách nhiệm, mang lại các giá trị bền vững, thiết thực cho cộng đồng và xã hội. Doanh nghiệp phát triển bền vững là nền tảng quan trọng đóng góp vào sự thịnh vượng của quốc gia. Công ty kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa phát triển sản xuất kinh doanh với phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ tài nguyên, gìn giữ môi trường, chủ động ứng phó với thiên tai, dịch bệnh. Tuyệt đối không vì lợi ích kinh tế mà xem nhẹ các giá trị xã hội bền vững khác.

5. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

✦ Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Địa bàn hoạt động kinh doanh của Công ty nằm trong lãnh thổ Việt Nam, vì vậy hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế trong nước được đề cập dưới

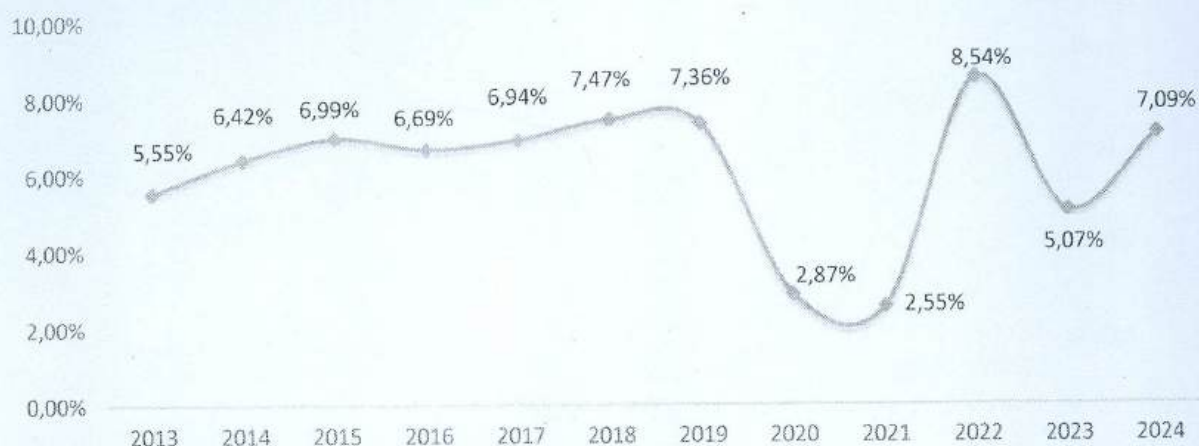
đây:

a) Tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP của Việt Nam năm 2024 tăng 7,09% so với năm 2023. Mức tăng này chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2013 -2024, cho thấy kinh tế phục hồi rõ nét. Tăng trưởng kinh tế vượt 7% của Việt Nam là điểm sáng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn khó khăn, nhiều nước tăng thấp. Mức này cũng cao hơn so với dự báo của nhiều tổ chức quốc tế đưa ra trước đó

Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2013 – 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.

Về cơ cấu nền kinh tế năm 2024, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,86%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%; khu vực dịch vụ chiếm 42,36%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14% (Cơ cấu tương ứng của năm 2024 là 11,86%; 37,58%; 42,30%; 8,26%).

Về sử dụng GDP năm 2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57% so với năm 2023; tích lũy tài sản tăng 7,20%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,45%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 16,10%.

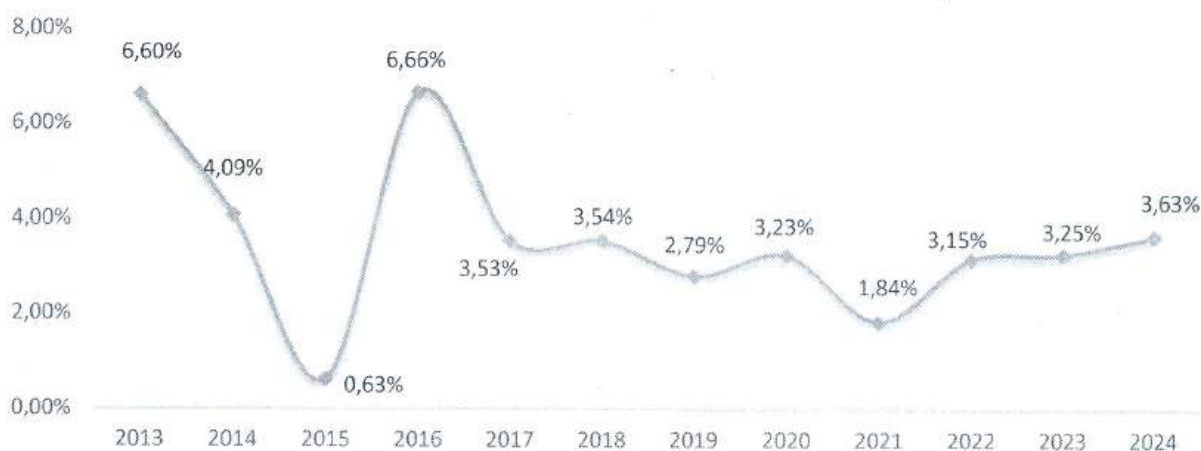
Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2024 ước đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng, tương đương 476,3 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 114 triệu

đồng/người, tương đương 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2024. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023).

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tình hình lạm phát

Tỷ lệ lạm phát Việt Nam giai đoạn 2013 - 2024



Nguồn: Tổng cục thống kê

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm 2023, như vậy lạm phát đã được kiểm soát vượt mục tiêu Quốc hội giao từ đầu năm. Đây là mức lạm phát phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội ở trong nước, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, là điểm sáng trong kết quả phát triển kinh tế của Việt Nam năm 2024.

Để ổn định kinh tế vĩ mô, thành công trong việc kiểm soát lạm phát, Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tổ chức triển khai quyết liệt nhiều giải pháp trong năm 2024 như đảm bảo thông suốt hoạt động cung ứng, lưu thông, phân phối hàng hóa, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống của người dân. Chú trọng tăng cường công tác quản lý, điều hành giá, đặc biệt trong thời điểm thiên tai, bão lũ, dịp thời xuất cấp hàng dự trữ quốc gia để hỗ trợ, cứu trợ người dân bị thiệt hại do bão lũ. Điều hành giá các mặt hàng nhà nước định giá, các dịch vụ công theo lộ trình thị trường một cách thận trọng. Các chính sách hỗ trợ về thuế, phí, lệ phí để hỗ trợ cho người dân và doanh nghiệp cũng được Chính phủ tiếp tục thực hiện trong năm 2024. Chính sách tiền tệ được điều hành chủ động, linh hoạt, kịp

thời và hiệu quả đã góp phần kiểm soát lạm phát. Ngoài ra, sự hạ nhiệt của lạm phát thế giới đã tác động tới lạm phát của Việt Nam, giảm bớt áp lực từ kênh nhập khẩu lạm phát.

Tổng cục Thống kê đánh giá áp lực lạm phát năm 2025 có thể đến từ một số yếu tố. Hiện nay xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng. Cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cùng với đó, hiện tượng thời tiết cực đoan tác động nghiêm trọng tới kinh tế - xã hội toàn cầu. Điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá các mặt hàng chiến lược trên thế giới, gây ra các rủi ro về an ninh năng lượng, an ninh lương thực. Đặc biệt, các chính sách thuế trong nhiệm kỳ của Tổng thống đắc cử Donald Trump có khả năng rất khắc nghiệt, dẫn đến các phản ứng trả đũa từ các quốc gia. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại gia tăng sẽ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu, điều này có thể gây ra một đợt lạm phát mới, đồng thời làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tỷ lệ thất nghiệp có nguy cơ tăng cao trở lại. Ở trong nước, chi phí nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất có thể tăng lên theo giá thế giới và chịu tác động từ biến động tỷ giá, ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên, tạo áp lực lên lạm phát. Bên cạnh đó, việc tiếp tục thực hiện lộ trình thị trường đối với các dịch vụ do Nhà nước quản lý như giá điện, học phí, giá dịch vụ y tế theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, chi phí sẽ tác động làm tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2025. Các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế, nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý. Ngoài ra, theo quy luật, vào các tháng cuối năm và dịp lễ, Tết, giá lương thực, thực phẩm, đồ uống, may mặc, thiết bị và đồ dùng gia đình thường tăng, trong năm nếu thiên tai, dịch bệnh xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương, những điều này cũng sẽ tác động làm tăng CPI. Do đó, Tổng cục Thống kê cho rằng trong năm 2025 cần theo dõi sát diễn biến tình hình thế giới, diễn biến chính sách tài khóa, tiền tệ của các nước là đối tác thương mại, đầu tư chủ yếu của Việt Nam; chủ động có phương án ứng phó kịp thời với các tình huống phát sinh.

Lạm phát là yếu tố vĩ mô tác động đến mọi chủ thể trong nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí nhân công, cung cấp dịch vụ của Công ty tăng.

c) Lãi suất tín dụng

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Theo báo cáo của Tổng cục thống kê, mặt bằng lãi suất cho vay đối với các giao dịch phát sinh mới của các ngân hàng thương mại có xu hướng giảm trong năm 2024 nhờ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành và chỉ đạo các tổ chức tín

dụng tiết giảm chi phí hoạt động để giảm lãi suất cho vay.

Lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân bằng đồng Việt Nam đối với lĩnh vực ưu tiên khoảng 3,8%/năm, thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN (4%/năm). Tính đến cuối quý III/2024, lãi suất cho vay trung bình ghi nhận trên báo cáo tài chính các ngân hàng niêm yết giảm khoảng 2,7% từ mức đỉnh quý I/2023 và giảm 1,9% so với cuối quý IV/2024. Tính riêng mặt bằng lãi suất cho vay nhóm ngân hàng tư nhân giảm giảm sâu 3,25% từ mức đỉnh 12% được thiết lập đầu năm 2023. Như vậy, mức lãi suất cho vay đang ở mức chạm đáy trong nhiều năm qua. Lãi suất cho vay ở mức thấp hỗ trợ lớn cho tăng trưởng tín dụng khi tính đến ngày 25/12/2024, tăng trưởng tín dụng nền kinh tế đạt 13,82%, cao hơn mức tăng 11,48% cùng thời điểm năm trước. Trong khi đó, tổng phương tiện thanh toán chỉ tăng 9,42% so với cuối năm 2023 (cùng thời điểm năm trước tăng 10,34%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,06% (cùng thời điểm năm trước tăng 11,19%).

Về tín dụng chính sách, năm 2024, tổng số vốn giải ngân các Chương trình tín dụng chính sách xã hội đạt 119,5 nghìn tỷ đồng với hơn 2,3 triệu lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn. Tổng dư nợ tín dụng chính sách xã hội đến hết ngày 31/12/2024 đạt trên 367,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2023 với gần 6,9 triệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác còn dư nợ

Việc lãi suất biến động sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng.

d) Tỷ giá

Ngày 31/12/2024, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.335 VND/USD, tăng 8 đồng so với phiên liền trước. Tỷ giá trần lên mức 25.551 VND/USD, cao nhất kể từ đầu năm. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD.

Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên cuối cùng của năm 2024 với mức 25.485 VND/USD, tăng 18 đồng so với phiên 30/12.

Các ngân hàng thương mại niêm yết tỷ giá USD/VND mua/bán ở mức 25.221 – 25.551 VND/USD, cao nhất năm 2024.

Tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang trong phiên cuối cùng của năm 2024 sau khi tăng mạnh 90 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra vào hôm 30/12, giao dịch tại 25.750 VND/USD và 25.850 VND/USD.

Theo cập nhật của VnEconomy, đến ngày 31/12/2024, tỷ giá USD/VND đã tăng 4,31% so với đầu năm. Mức mất giá của VND so với USD thấp hơn 1 số đồng tiền khác như USD/KRW + 12,51%; USD/PHP + 4,74%; USD/IDR + 4,85%.

Một trong những nguyên nhân chính khiến USD mạnh lên là căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng leo thang. Sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố

áp thuế 25% đối với toàn bộ mặt hàng thép và nhôm nhập khẩu, Trung Quốc ngay lập tức có động thái đáp trả, công bố danh sách các mặt hàng Mỹ bị áp thuế mới. Động thái này làm dấy lên lo ngại về một cuộc chiến thương mại kéo dài, khiến USD trở thành kênh trú ẩn an toàn, thu hút dòng tiền đầu tư. Bên cạnh đó, nguy cơ lạm phát tại Mỹ cũng đang gia tăng khi thuế nhập khẩu có thể làm giá hàng hóa leo thang. Trước tình hình này, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) nhiều khả năng sẽ duy trì chính sách lãi suất cao để kiểm soát lạm phát. Chính sách này càng làm USD trở nên hấp dẫn hơn đối với giới đầu tư, đẩy tỷ giá USD lên mức cao nhất trong nhiều tháng qua. Với những yếu tố trên, USD đang duy trì xu hướng tăng mạnh và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt

✦ **Rủi ro pháp luật**

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán, Bộ Luật Lao động,...). Trong khi đó, pháp luật Việt Nam luôn trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

✦ **Rủi ro khác**

Rủi ro về chiến lược, tầm nhìn dẫn tới việc đầu tư không thích đáng cho nghiên cứu; không phát triển được những sản phẩm hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm mới độc đáo, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dùng và những dịch vụ tin học đặc thù có khả năng khai thác bền vững trên quy mô lớn.

Rủi ro về nguồn nhân lực dẫn tới số lượng, chất lượng nguồn nhân lực không bắt kịp nhu cầu tăng trưởng cũng như những tiêu chuẩn mới về lao động trong ngành công nghệ thông tin.

Rủi ro về bảo mật thông tin: Thông tin là một trong những tài sản quan trọng, quý giá đối với Công ty. Những rủi ro như bị lộ, bị thay đổi, bị mất mát, bị từ chối đều ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động, đến uy tín, đến chiến lược của Công ty.

Rủi ro phát sinh từ hoạt động đầu tư của Công ty: Các hoạt động đầu tư thiếu hiệu quả sẽ

kéo theo nhiều hệ lụy về vốn, dòng tiền và kết quả kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Bảng số 1: Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng trưởng năm 2024 so với 2023
1	Tổng giá trị tài sản	561.761.325.195	556.379.519.152	-0,96%
2	Vốn chủ sở hữu	463.601.290.701	462.564.577.416	-0,22%
3	Doanh thu thuần	208.043.921.655	155.460.874.029	-25,27%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-29.189.656.010	-19.413.635.459	-
5	Lợi nhuận khác	17.784.361.056	22.974.838.963	29,19%
6	Lợi nhuận trước thuế	-11.405.294.954	3.561.203.504	-
7	Lợi nhuận sau thuế	-13.960.887.527	-1.036.713.285	-
8	Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-6,71%	-0,67%	-
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-
10	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	-3,01%	-0,22%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Doanh thu thuần năm 2024 giảm 25,27% so với năm 2023. Do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao, các cuộc chiến tranh thế giới dẫn đến việc tiêu thụ hàng hóa chậm, tồn kho giá cao, giá cả vật tư thu mua biến động thất thường. Giá bán không đủ bù đắp giá vốn đã làm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện thanh lý tài sản cố định và ghi nhận thu nhập từ hoạt động thanh lý tài sản gần 23 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt con số dương 3,56 tỷ đồng. Tuy nhiên do khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp lớn nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 bị âm 1,04 tỷ đồng.

Về việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2024: ĐHCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua kế hoạch tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2024 đạt lần lượt là 200 tỷ đồng và 4 tỷ đồng. Với kết quả nêu trên, Công ty đã hoàn thành 77,73% kế hoạch doanh thu, tuy nhiên do các nguyên nhân như đã trình bày ở trên, Công ty không đạt được kế hoạch lợi nhuận đề ra.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. Danh sách Ban điều hành

➤ Danh sách Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đỗ Hòa	Q. Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/8/2020)
2	Ông Trần Trung Nghĩa	Kế toán trưởng

➤ Lý lịch thành viên Ban điều hành

Ông	: ĐỖ HÒA
Ngày tháng năm sinh:	: 01/10/1972
Nơi sinh	: Khánh Hòa
Số CCCD	: 054072003850 cấp ngày 04/09/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Địa chỉ thường trú	: Số 22/48 Cư xá Lữ Gia – Phường 15 – Quận 11 – TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
• Từ năm 2000 tới 2008	: Thành viên Hội đồng thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Kim Vĩ
• Từ năm 2009 tới nay	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
• Chức vụ đang nắm giữ tại công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm quyền Tổng Giám Đốc
Số cổ phần nắm giữ: 400.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,81% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 400.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,81% vốn điều lệ.	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

Ông	: TRẦN TRUNG NGHĨA
Ngày tháng năm sinh:	: 07/10/1984
Nơi sinh	: Trà Bá – TP Plei ku – Gia Lai
Số CCCD	: 064084003387 cấp ngày 25/08/2022 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:

• Từ năm 2005 tới năm 2007	: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Thịnh Minh Tiến
• Từ năm 2007 tới năm 2009	: Trưởng phòng tư vấn Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Tư Vấn Gia Long
• Từ năm 2009 tới tháng 9/2010	Kế toán trưởng Hợp tác xã Vận Tải Và Xếp Dỡ Đại Thành
• Từ 10/2010 tới tháng 10/2011	Phó phòng Kế toán Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
• Từ năm 2011 tới năm nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ.	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng số 2: Cơ cấu lao động

Tổng số lao động có tên trong doanh nghiệp	13
Trong đó:	
Số lao động có trình độ Đại học, trên Đại học	7
Bao gồm: + Lao động nam	5
+ Lao động nữ	2
Số lao động có trình độ Trung học, Cao đẳng	2
Bao gồm: + Lao động nam	1
+ Lao động nữ	1
Số lượng công nhân đã qua đào tạo	4
Bao gồm: + Lao động nam	4
+ Lao động nữ	0

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ-Tháng 12/2024)

✦ Chính sách lương thưởng

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. Cán bộ công nhân viên trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định của pháp luật. Công ty luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cán bộ công nhân viên Công ty đều được hưởng chế độ vào các dịp lễ, tết.

✦ Chính sách từ quỹ Thiện nguyện của công ty

Ngoài những chính sách dành cho người lao động theo chế độ công ty, người lao động còn nhận được chính sách từ quỹ từ thiện. Đây là Quỹ từ thiện mang tính chất thiện nguyện, Quỹ này tách rời các hoạt động chính sách của công ty. Quỹ thiện nguyện nhằm mục đích chia sẻ và chăm lo đời sống của công nhân viên, đồng thời khuyến khích những công nhân viên có tâm niên và tay nghề cao, đặc biệt là những công nhân viên có đóng góp tốt cho công ty. Chẳng hạn chính sách hỗ trợ đám cưới, đám hỏi, khuyến học, hỗ trợ an cư lạc nghiệp, hỗ trợ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, ...

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2016 công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ thêm 330 tỷ đồng thành công để đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất thép không gỉ .

Đến hết năm 2018 công ty đã hoàn thành đầu tư mở rộng nhà máy thép không gỉ.

Năm 2022 máy móc thiết bị nhà xưởng đầu tư mới cơ bản đã đưa vào sử dụng đem lại hiệu quả kinh tế.

Năm 2023-2024, Công ty không đầu tư, mua sắm thêm tài sản cố định.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng số 3: Tình hình tài chính

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	561.761.325.195	556.379.519.152	-0,96%
Doanh thu thuần	208.043.921.655	155.460.874.029	-25,27%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-29.189.656.010	-19.413.635.459	-
Lợi nhuận khác	17.784.361.056	22.974.838.963	29,19%
Lợi nhuận trước thuế	-11.405.294.954	3.561.203.504	-

Lợi nhuận sau thuế	-13.960.887.527	-1.036.713.285	-
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1, Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	4,19	3,89	
Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ – Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	0,60	0,84	
2, Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	17,47	16,86	
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	21,17	20,28	
3, Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho BQ	Vòng	0,79	0,58	
Doanh thu thuần/Tổng Tài sản BQ	Lần	0,35	0,28	
4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-6,71	-0,67	
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-14,03	-12,49	
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	-2,97	-0,22	
Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản BQ	%	-2,37	-0,19	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Cổ phần

– Tổng số cổ phần: 49.500.000 cổ phần

- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 49.500.000 cổ phiếu
 - Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: 0 cổ phiếu,
- b) Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/03/2024

Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
1	Cổ đông trong nước	4.302	48.889.973	98,77%
1,1	Tổ chức	7	17.300	0,03%
1,2	Cá nhân	4.295	48.872.673	98,73%
2	Cổ đông nước ngoài	24	610.027	1,23%
2,1	Tổ chức	4	20.200	0,04%
2,2	Cá nhân	20	589.827	1,19%
3	Cổ phiếu quỹ		-	0,00%
Tổng Cộng		4.326	49.500.000	100%

(Nguồn: Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán KVC-VSD cung cấp)

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Tên nguyên vật liệu chính	ĐVT	Lượng sử dụng
1	Nguyên liệu inox	Kg	911.000
2	Bao bì đóng gói	Kg	469

- b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp chủ yếu là điện năng. Là ngành sản xuất công nghiệp nặng nên chi phí năng lượng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của công ty.

Công ty sử dụng các thiết bị đồng bộ nhằm tối ưu trong việc tiết kiệm năng lượng. Ngoài ra, công tác kiểm soát định mức năng lượng rất được chú trọng, các khâu sản xuất được trang bị hệ thống đo đếm tiêu thụ năng lượng riêng để theo dõi mức tiêu hao từ đó có biện pháp xử lý kịp thời.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:
Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này:
Không có

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước tự nhiên thông qua các hệ thống lọc để sản xuất kinh doanh.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Do đặc thù sản xuất kinh doanh nên công ty không sử dụng nước tái chế.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2020	2021	2022	2023	2024
Lao động bình quân (người)	17	17	16	14	14
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	12,2	11,3	13	13,9	14,1

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản, CBCNV được nghỉ lễ và tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả. Đặc biệt số ngày nghỉ phép hàng năm sẽ tăng theo thâm niên làm việc, cứ mỗi năm (05) năm làm việc

tại Công ty sẽ được cộng thêm một (01) ngày phép.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chế độ thai sản cho nhân viên nữ:

Ngoài chế độ được hưởng theo quy định của luật lao động, CBCNV nữ công ty còn được hưởng chế độ riêng:

- Từ tháng thứ 1 đến khi nghỉ sinh: cán bộ - công nhân viên nữ mang thai được đi trễ và về sớm 1h, tổng 2h/1 ngày làm việc.
- Ngoài ra, từ tháng thứ 6 của thai kỳ cho đến khi nghỉ sinh: cán bộ - công nhân viên nữ mang thai được làm việc tại nhà vào ngày thứ 7 hàng tuần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động của Công ty. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đưa ra những tiêu chuẩn riêng song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có sức khỏe, trình độ chuyên môn cơ bản phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhiệt tình và ham học hỏi, yêu thích công việc và chủ động sáng tạo trong công việc. Đối với các vị trí quan trọng, việc tuyển dụng chặt chẽ hơn với các yêu cầu về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và tác nghiệp độc lập trình độ về ngoại ngữ và tin học.

Công ty cũng dành chính sách lương, thưởng và những chế độ đãi ngộ cao cho các nhân viên giỏi, có trình độ học vấn cao và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty nhằm một mặt tạo tâm lý ổn định cho nhân viên và mặt khác để tập hợp, thu hút nguồn nhân lực giỏi về làm việc cho Công ty.

Bên cạnh đó, mỗi một CBCNV khi mới vào nhận việc tùy vị trí công việc sẽ được Phòng đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn liên quan đến lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép không gỉ. Ngoài ra, hàng năm đơn vị cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại tay nghề trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: *Không có*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu thuần năm 2024 giảm 25,27% so với năm 2023. Do ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu, lạm phát tăng cao, các cuộc chiến tranh thế giới dẫn đến việc tiêu thụ hàng hóa chậm, tồn kho giá cao, giá cả vật tư thu mua biến động thất thường. Giá bán không đủ bù đắp giá vốn đã làm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị

thua lỗ. Trong năm 2024, Công ty đã thực hiện thanh lý tài sản cố định và ghi nhận thu nhập từ hoạt động thanh lý tài sản gần 23 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt con số dương 3,56 tỷ đồng. Tuy nhiên do khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp lớn nên lợi nhuận sau thuế năm 2024 bị âm 1,04 tỷ đồng.

Trong năm 2024, Công ty đã có nhiều nỗ lực để tiết giảm các chi phí: giảm chi phí tài chính 45%, giảm chi phí quản lý doanh nghiệp 56%. Điều này khiến cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm 2024 tuy vẫn lỗ nhưng mức lỗ giảm khoảng 10 tỷ đồng so với năm 2023.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được: Công ty đã và đang nỗ lực thực hiện các giải pháp để tiết giảm tối đa các chi phí hoạt động, qua đó giảm thiểu mức thua lỗ trong hoạt động kinh doanh.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài sản

Bảng số 6: Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm/
Tài sản ngắn hạn	323.995.964.622	361.598.615.107	11,16%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.963.321.005	528.012.051	-89,36%
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	-
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	40.311.134.892	77.287.919.515	91,73%
<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>40.185.233.426</i>	<i>77.246.988.843</i>	<i>92,23%</i>
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>1.200.000</i>	<i>0</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>124.701.466</i>	<i>40.930.672</i>	<i>-67,18%</i>
4. Hàng tồn kho	277.943.559.669	283.085.711.398	1,85%
5. Tài sản ngắn hạn khác	777.949.056	696.972.143	-10,41%
Tài sản dài hạn	237.765.360.573	194.780.904.045	-18,08%
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0
2. Tài sản cố định	237.503.778.086	194.780.904.045	-17,99%
3. Tài sản dở dang dài hạn	37.037.037	0	-
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>37.037.037</i>	<i>0</i>	<i>-</i>
4. Đầu tư tài chính dài hạn	200.000.000	0	-
5. Tài sản dài hạn khác	24.545.450	0	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Tổng tài sản của Công ty năm 2024 giảm 0,96% so với năm 2023, chủ yếu giảm do Công

ty thanh lý tài sản cố định. Công ty thực hiện tốt việc thu hồi các khoản công nợ phải thu, không để xảy ra tình trạng nợ phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ

Bảng số 7: Tình hình công nợ

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm/
	(Đồng)	(Đồng)	
A, NỢ PHẢI TRẢ	98.160.034.494	93.814.941.736	-4,43%
I, Nợ ngắn hạn	77.350.120.494	93.051.407.717	20,30%
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	59.988.000.000	59.996.000.000	0,01%
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	13.978.160.976	24.623.006.123	76,15%
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.962.460	99.882.460	456,06%
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	172.896	4.943.270.519	28.590,01%
5. Phải trả người lao động	192.327.298	185.759.847	-3,41%
6. Chi phí phải trả	152.036.384	160.567.808	5,61%
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21.460.480	42.920.960	100%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000	3.000.000.000	0%
II, Nợ dài hạn	20.809.914.000	763.534.019	-96,33%
1. Phải trả dài hạn khác	809.914.000	763.534.019	-5,73%
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20.000.000.000	-	-

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2024 của Công ty)

Mặc dù hoạt động kinh doanh gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty luôn đảm bảo khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ ngắn hạn và dài hạn.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp, dưới Ban Tổng Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận, Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty, Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập, giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Phát huy những lợi thế sẵn có và kinh nghiệm tích lũy qua gần 30 năm trong lĩnh vực thép không gỉ, Kim Vĩ đã đưa ra chiến lược kinh doanh để củng cố vị thế của mình trong việc sản xuất và phân phối các sản phẩm thép không gỉ, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, đó là:

- Mở rộng hệ thống phân phối và giao hàng tại nhiều tỉnh, thành phố;
- Tăng cường tiềm lực tài chính của Công ty;
- Đầu tư xây dựng mở rộng nhà máy sản xuất thép không gỉ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng trên thị trường;
- Tham gia thêm vào chuỗi giá trị ở khâu sản xuất ra sản phẩm cuối cùng, thông qua nghiên cứu đầu tư sản xuất những mặt hàng inox mang lại lợi nhuận cao, thanh khoản tốt.

Bên cạnh chiến lược kinh doanh, Công ty cũng xây dựng chiến lược phát triển nguồn lực con người thông qua chính sách tuyển dụng, đào tạo và chế độ đãi ngộ phù hợp, giúp thu hút nguồn nhân lực chất lượng và gắn kết người lao động với Công ty, tạo động lực cho phát triển bền vững.

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

Ý kiến kiểm toán đối với BCTC năm 2024: là ý kiến chấp thuận toàn phần.

6. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

a. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):* Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý. Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cao ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện. Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh. Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

b. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động*

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan học tập sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo

quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo các phòng ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.
- Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.
- Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2024 tới các phòng ban trong toàn hệ thống.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng, Hội đồng quản trị đã tổ chức 8 cuộc họp Hội đồng quản trị, qua đó đã ban hành 8 nghị quyết/quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo chấp hành đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2025, HĐQT sẽ tiếp tục nỗ lực trong việc định hướng hoạt động, hỗ trợ sát sao trong hoạt động của Ban điều hành nhằm đạt được mục tiêu kinh doanh an toàn và hiệu quả.

Công ty tiếp tục giữ vững hoạt động sản xuất, chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong và ngoài nước, đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu khi có cơ hội.

Chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đó là giá trị cốt lõi trong sự phát triển lâu dài của công ty.

Nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực, ưu tiên nguồn nhân lực có chuyên môn và có tâm huyết với nghề.

Duy trì các mối quan hệ với các đối tác, khách hàng tiềm năng của công ty

Tăng cường tìm kiếm nhà đầu tư các tổ chức tín dụng mới để vay vốn hoạt động, tận dụng tối đa đòn bẩy tài chính.

Tinh gọn bộ máy quản lý, sắp xếp và lên kế hoạch sản xuất để giảm thiểu tối đa chi phí trong sản xuất kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ có 05 (năm) thành viên, Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đỗ Hùng	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành
2	Ông Đỗ Hòa	Thành viên HĐQT	Điều hành
3	Bà Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	Không điều hành
4	Ông Lưu Xuân	Thành viên HĐQT	Không điều hành
5	Ông Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên HĐQT	Không điều hành

Ông	:	ĐỖ HÙNG
Ngày tháng năm sinh:	:	08/02/1968
Nơi sinh	:	Nha Trang
Số căn cước công dân	:	046068000397 cấp ngày 26/07/2019 tại CA TP. Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú	:	Số 456/66 Cao Thắng – Phường 12 – Quận 10 – TP. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
• Từ năm 2000 tới năm 2008	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Kim Vĩ
• Từ 2009 tới nay	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ: 1.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,22 % vốn điều lệ		
Trong đó:		
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.100.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,22% vốn điều lệ.		
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ		
Các khoản nợ đối với Công ty: Không		
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không		

ĐỖ HÒA

Đã nêu tại phần lý lịch của Ban điều hành

Bà	: ĐỖ THỊ THU TRANG
Ngày tháng năm sinh:	: 25/12/1976
Nơi sinh	: Khánh Hòa
Số CCCD	: 056176009748 cấp ngày 22/12/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Địa chỉ thường trú	: Số 46 Bàu Cát 1- Phường 14 – Quận, Tân Bình – TP, Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
• Từ năm 2000 tới năm 2008	: Nhân viên phòng XNK Công ty TNHH Kim Vĩ
• Từ 2009 tới nay	: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên Hội đồng quản trị
Số cổ phần nắm giữ: 200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,4% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 200.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,4% vốn điều lệ,	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

Ông	: LƯU XUÂN
Ngày tháng năm sinh:	: 27/01/1965
Nơi sinh	: TP, Hồ Chí Minh
Số CCCD	: 079065010327 cấp ngày 10/08/2021 tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Địa chỉ thường trú	: Số 31 Lương Minh Nguyệt, Tân Thới Hòa, Q; Tân Phú, Tp, Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
• Từ năm 1991 tới năm 1992	: Hướng dẫn viên Công ty du lịch Festival
• Từ năm 1999 tới 2000	: Phiên dịch viên Công ty nông lâm Đài Loan
• Từ năm 2000 tới năm 2002	: Phiên dịch viên Công ty Wei Chien Đài Loan
• Từ năm 2002 tới năm 2006	: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Tân Hoa Thịnh

• Từ năm 2007 tới năm 2014	: Phó phòng Xuất nhập khẩu Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
• Từ 2015 tới nay	: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	
Số cổ phần nắm giữ: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,01% vốn điều lệ,	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

Ông	: LÊ TRẦN VŨ ĐẠT
Ngày tháng năm sinh:	: 23/05/1978
Nơi sinh	: Xuân Đông, Diên Xuân, Diên Khánh, Khánh Hòa
Số CCCD	: 056078000845 cấp ngày 10/04/2021 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Địa chỉ thường trú	: Xuân Đông, Diên Xuân, Diên Khánh, Khánh Hòa
Điện thoại	: (028) 37979009
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
• Từ năm 2000 tới năm 2014	: Nhân viên chuyên ngân Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
• Từ năm 2015 tới nay	: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Chức vụ đang nắm giữ tại : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty	
Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 100 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0002% vốn điều lệ,	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: *Không có*

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 8: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2024

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	---------------------------	------	----------

1	2401/2024/QĐ-HĐQT	24/01/2024	Quyết định về việc trích lập dự phòng hàng tồn kho năm tài chính 2023
2	01/2024/QĐ-HĐQT	06/3/2024	Quyết định về việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
3	0504/2024/QĐ-HĐQT	05/04/2024	Quyết định về việc gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
4	1906/NQ-HĐQT/2024/KVC	19/06/2024	Nghị quyết về việc đàm phán ngưng cho thuê phần nhà xưởng đối với Công ty cổ phần CDM
5	0626/2024/QĐ-HĐQT	26/06/2024	Quyết định về việc thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 lần thứ hai
6	1707/NQ-HĐQT/2024/KVC	17/07/2024	Nghị quyết về việc chuyển nhượng tài sản
7	2907/NQ-HĐQT/2024/KVC	29/07/2024	Nghị quyết về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024
8	0810/NQ-HĐQT/2024/KVC	08/10/2024	Nghị quyết về việc xóa thế chấp tài sản

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thành viên độc lập HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao; sát sao trong quản lý, giám sát; thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp hỗ trợ Công ty nghiên cứu, lập cơ sở dữ liệu, đánh giá và dự báo thị trường, cơ hội kinh doanh,...

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên, Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Phan Thanh Tấn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Đài Trang	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên Ban kiểm soát

Ông	: PHAN THANH TẤN
Ngày tháng năm sinh:	: 08/10/1976
Nơi sinh	: Thành phố Hồ Chí Minh
Số CCCD	: 079076004410 cấp ngày 20/04/2018 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ thường trú	: 359/3 Trần Bình Trọng, Phường 1, Quận 10, TP.HCM
Điện thoại	: (028) 37979009
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Quản lý công nghiệp, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	:
• Từ 12/1999 – 12/2014	: Chuyên viên giám sát- Công Ty Viễn thông TP.Hồ Chí Minh (VNPT)
• Từ năm 2010 – 2018	: Giám đốc Công ty TNHH Kỹ Thuật Thy Phúc
• Từ năm 2018 – nay	: Giám đốc Công ty TNHH Kỹ Thuật Tân Phúc
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Trưởng ban kiểm soát (Bầu bổ sung 30/6/2021)
Số cổ phần nắm giữ: không	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ,
+ Cổ phần đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không

Bà	: NGUYỄN ĐÀI TRANG
Ngày tháng năm sinh:	: 21/03/1978
Nơi sinh	: TP, Hồ Chí Minh
Số CCCD	: 079178032944 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ thường trú	: Số 468/32/3 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, TP, Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	: Trung cấp kinh tế
Quá trình công tác	:
• Từ năm 2007 - 2014	: Nhân viên kinh doanh Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
• Từ năm 2013 – nay	: Kế toán viên Công ty TNHH Công nghệ Kim Long
• Từ 2009 tới nay	: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Chức vụ đang nắm giữ tại	: Thành viên ban kiểm soát

Công ty	
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	: Kế toán viên Công ty TNHH Công nghệ Kim Long
Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ,	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

Ông	: NGUYỄN TĂNG MINH ĐỨC
Ngày tháng năm sinh:	: 19/02/1975
Nơi sinh	: Thừa Thiên Huế
Số CCCD	: 054075000020 cấp ngày 10/07/2021 tại Cục Cảnh sát
Địa chỉ thường trú	: Số 468/32/3 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 10, TP, Hồ Chí Minh
Điện thoại	: (028) 37979009
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	:
• Từ năm 2001 - 2009	: Chuyển ngân Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
• Từ 2009 tới nay	: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	: Thành viên ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ	
Trong đó:	
+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,002% vốn điều lệ,	
+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ	
Các khoản nợ đối với Công ty: Không	
Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng giám đốc (BTGD) năm 2024 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, BGD trong năm 2024;
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HDQT, BGD về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đối với HDQT và

BGD;

- Thẩm tra báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao (HĐQT, BKS, BGD)	Tổng thu nhập
1	Đỗ Hùng	CT HĐQT	170.400.000	36.000.000	206.400.000
2	Đỗ Hòa	Thành viên HĐQT kiêm Q TGD	218.400.000	24.000.000	242.400.000
3	Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	156.000.000	24.000.000	180.000.000
4	Lưu Xuân	Thành viên HĐQT		24.000.000	24.000.000
5	Lê Trần Vũ Đạt	Thành viên HĐQT	96.000.000	24.000.000	120.000.000
6	Phan Thanh Tấn	Trưởng Ban Kiểm soát		24.000.000	24.000.000
7	Nguyễn Đai Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	131.395.905	12.000.000	143.395.905
8	Nguyễn Tăng Minh Đức	Thành viên Ban Kiểm soát	0	12.000.000	12.000.000

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Bảng số 10: Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm (mua bán, chuyển đổi, thưởng....)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1							

(Nguồn: CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ)

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2024, Công ty phát sinh giao dịch với bên liên quan là Công ty Cổ phần Thương mại Kim Cỏ, cụ thể như sau:

- Mối quan hệ: Công ty Cổ phần Thương mại Kim Cổ có Đại diện theo pháp luật là thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ;
- Giao dịch: Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ cho Công ty Cổ phần Thương mại Kim Cổ thuê nhà xưởng;
- Giá trị giao dịch năm 2024: 132.000.000 đồng

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Báo cáo kiểm toán độc lập; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://kimvico.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU INOX KIM VĨ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐỖ HÙNG

